

BIỂU TƯỢNG CÔ MẪU “ĐẤT” TRONG TIỂU THUYẾT VIỆT NAM SAU 1986 QUA MỘT SỐ TIỂU THUYẾT TIÊU BIỂU

THE SYMBOL “LAND” IN VIETNAMESE NOVELS AFTER 1986 THROUGH REPRESENTATIVE NOVELS

Phan Thúy Hằng¹

¹Trường Đại học Khánh Hòa; phanthuyhang@ukh.edu.vn

(Nhận bài: 26/5/2020; Chấp nhận đăng: 04/12/2020)

Tóm tắt - Đối với văn học, có nhiều con đường khác nhau để giải mã tác phẩm, trong đó làm rõ các tầng ý nghĩa của các biểu tượng trong tác phẩm là một hướng đi thú vị. Khảo sát tiểu thuyết Việt Nam từ 1986 đến 2000, chúng tôi nhận thấy có rất nhiều biểu tượng, trong đó biểu tượng đất chứa đựng rất nhiều hàm nghĩa khác nhau về con người và cuộc sống. Trong bài viết này, biểu tượng đất vừa mang ý nghĩa là vẻ đẹp của sự phồn sinh, sự chờ che và giải thoát đồng thời nó còn là biểu tượng của sự tàn phá và hủy diệt. Với nhiều biến thể khác nhau, đất vừa lưu giữ những cơ tầng văn hoá của dân tộc, vừa có khả năng trở thành những biểu tượng và những cô mẫu văn chương mới, chứa đựng những hàm nghĩa mới của văn hoá đương đại.

Từ khóa - Biểu tượng; biểu tượng “đất”; tiểu thuyết Việt Nam

Abstract - For literature, there are many different ways to explain the work. One of them is clarifying the meaning of the symbols in the work, which is an interesting direction. Surveying Vietnamese novels from 1986 to 2000, we have found that there are many symbols among which the land symbol contains a lot of different meanings about people and life. In this article, the land symbol has the meaning of beauty of prosperity, protection and liberation, and it is also the symbol of destruction and destruction. With many different variations, land symbol also holds the cultural foundations of the nation, as well as the ability to become new symbols and prototypes, containing the new meanings of contemporary culture.

Key words - Symbol; symbol “land”; Vietnamese novels.

1. Đặt vấn đề

Biểu tượng là những hình ảnh mang ý nghĩa tượng trưng - hình ảnh mà ta nhìn thấy, chấp nhận theo quy ước, để biểu thị một tồn tại vật chất hay tinh thần nào đó, hay một hình ảnh làm dấu hiệu để phân biệt giữa vật này, người này, trạng thái này với vật khác, người khác, trạng thái khác... Biểu tượng biểu đạt ý nghĩa bằng dấu hiệu. Nhưng theo Jean Chevalier, “biểu tượng là một khái niệm đầy năng động và gợi cảm, không chỉ vừa biểu hiện, vừa che giấu theo một cách nào đó, mà còn vừa thiết lập, vừa tháo dỡ... tác động lên cấu trúc tinh thần của con người” [9]. Như vậy, biểu tượng được tồn tại trên cơ sở niềm tin, cảm xúc và quy ước, dù chia ra hay kết hợp lại, biểu tượng vẫn tiềm tàng những ý nghĩa nhất định. Biểu tượng gắn liền với cô mẫu (archetype, prototype). Cô mẫu (archetype) hay mẫu cổ, là “khái niệm dùng để chỉ những mẫu của các biểu tượng, các cấu trúc tinh thần bẩm sinh, trong tượng tượng của con người, chứa đựng trong vô thức tập thể của cộng đồng nhân loại; Vô thức tập thể này là một yếu tố đặc trưng cho tất cả các vô thức cá nhân” [1, tr.972]. Như vậy, cô mẫu trước hết cũng là biểu tượng nhưng có sức khái quát cao hơn biểu tượng, là những mẫu của các biểu tượng. Các mẫu cổ là những hình ảnh hoặc ý niệm đầu tiên nguyên khởi được di truyền từ thế hệ này sang thế hệ kia. Theo Jung các mẫu gốc là “những yếu tố cấu trúc của tâm thần con người được ẩn giấu trong vô thức tập thể” [1, tr.201]. Các mẫu gốc là một tập hợp có giới hạn, nội dung của chúng ẩn chứa trong các nghi lễ cổ xưa, các thần thoại, các tượng trưng, các tin ngưỡng, các hành vi tâm lý và cả trong sáng tác nghệ thuật từ xa xưa đến hiện tại. Theo C.G. Jung, các biểu tượng gốc - archetype được hiểu là “những nguyên tố tâm thần (psyché) không thể cắt nghĩa được bằng một sự

việc xảy ra trong đời sống (...). Nó hình như bẩm sinh đã có, có từ nguyên thủy, nó là một thành phần trong gia tài tinh thần của nhân loại” [3, tr.96]. Đối với văn học, biểu tượng cô mẫu đã mở ra khả năng vô tận trong việc khám phá, nhận thức thế giới xung quanh và con người đặc biệt là chiều sâu vô thức, bản năng. Vì thế hành trình đến với những biểu tượng trong văn học là hành trình khám phá con đường trở về cội nguồn văn hoá, đồng thời cũng là cuộc hành trình nhận thức của nhân loại. Một trong những yếu tố đặc biệt quan trọng làm nên sức hấp dẫn của tiểu thuyết Việt Nam từ 1986 đến 2000 chính là biểu tượng và ngôn ngữ xây dựng biểu tượng. Trong quá trình tìm hiểu tiểu thuyết Việt Nam từ 1986 đến 2000, nhóm tác giả nhận thấy các nhà văn đã sử dụng nhiều biểu tượng cô mẫu, bên cạnh những cô mẫu như Nước, Lửa, Trăng... thì cô mẫu Đất cũng xuất hiện với tần suất khá nhiều, như một biểu trưng cho đời sống tinh thần của người Việt từ xưa đến nay.

2. Nội dung

Về mặt trực quan “đất cứng cáp, đục thô, ổn định, rộng rãi, ngập tràn cây cối, nuôi sống muôn loài, đất như người Mẹ có sức sản sinh và tái sinh, bền bỉ trong một nhịp điệu âm thầm và bao dung” [3]. Theo Nguyễn Thị Thanh Xuân, cô mẫu Đất xuất hiện đầu tiên trong văn học Việt Nam ở sử thi *Đẻ đất, đẻ nước* của người Mường bên cạnh cô mẫu nước và cô mẫu cây thùy tử (cây si). Huyền thoại *Con Rồng, cháu Tiên* kể cho chúng ta về sự phân li giữa Đất và Nước. Người mẹ Âu Cơ đã “bám đất” nuôi năm mươi người con, sinh sôi nảy nở và tạo ra muôn loài [4]. Đi vào văn học hiện đại, đặc biệt trong tiểu thuyết Việt Nam sau 1986, biểu tượng Đất được các nhà văn đem đến nhiều góc nhìn và nhiều biến thể cùng các tầng nghĩa khác nhau. “Vốn bao la,

¹ University of Khanh Hoa (Phan Thuy Hang)

và đa dạng, Đất... mang trong lòng nó những hình thái khác nhau: Núi non, hang vực, gò, đồng, rừng, vườn... và mỗi hình thái này đến lượt nó, lại có khả năng trở thành những biểu tượng và cổ mẫu văn chương mới. Những cổ mẫu con này vừa dung chứa những nét chung của cổ mẫu mẹ Đất, mẹ Nước- đặc biệt là tính cố định, luân chuyển và tính sinh sôi- vừa hình thành những nét riêng” [4].

2.1. Đầu tiên, Đất mang ý nghĩa nguyên sơ của nó là biểu tượng của vẻ đẹp phồn sinh trong đời sống vũ trụ và nhân sinh, sinh sôi, nảy nở “tái tạo mùa sau” và nuôi sống con người. Trong tiểu thuyết *Gia phả của đất* [5], đất được xem như “tấc đất tấc vàng”. Một không khí thi đua lao động sản xuất khẩn trương sôi nổi diễn ra trên mọi cánh đồng của mảnh đất Giang Thủy. Có những thành công, có những thất bại song những con người trên mảnh đất ấy luôn gắn bó và xem đồng ruộng như hơi thở, như người bạn tâm giao không thể chia lìa. Tiêu biểu như ông Trạc, Trần Sinh, như Cơ, Lập, Toại, Thanh... là những con người tiên phong, đầy tâm huyết muốn thay đổi bộ mặt của làng quê trong giai đoạn chuyển mình. Những cánh đồng trên mảnh đất Giang Thủy không khi nào thiếu vắng màu xanh. Hết lúa, đến khoai, đậu tương. Dù có nhiều trở ngại từ thiên nhiên, từ cách thức sản xuất đôi lúc chưa phù hợp song đất đai đã đem đến cho con người một cuộc sống đầy ý nghĩa, được lao động, sản xuất và có cơm ăn áo mặc “Chiều chiều, người, lúa, từ các ngả đồng đòn về làng. Những chiếc xe bò xếp lúa cao chát ngắt được hàng chục xã viên bám xung quanh vừa đẩy vừa hò reo, lao băng băng về các sân kho” [5, tr.239]. Tất cả đã mở ra một tương lai tươi sáng cho vùng chiêm trũng Giang Thủy trước đây vốn nghèo đói quanh năm. Những tâm sự của Thẩm với Đạt, người yêu của cô đã hi sinh ở cuối tác phẩm cũng chính là thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm. “Cánh đồng của chúng mình đó. Vì nó mà đám cưới của chúng mình đành hoãn lại. Vì nó mà chúng mình không còn cưới được nhau nữa. Nhưng anh Đạt ơi, cũng vì nó, em sẽ sống xứng đáng với anh hơn” [5, tr.309]. Đất và người luôn cùng tồn tại, đất cần người chăm bón và đất cũng sẽ mang về cho con người những mùa màng bội thu. Con người cũng sẽ vì đất đai, đồng ruộng mà hi sinh, cố gắng. Cũng với biểu thể là ruộng đồng, gò bãi, Đất trong *Bên không chồng* không chỉ là nơi dung chứa những giá trị truyền thống, những nét sinh hoạt dân gian lâu đời cùng với những giai thoại về dòng sông Đĩnh, về hồ “mắt tiên”, con ma đầu cánh đồng mà Rốt hay sự tích thú vị về gò ông Đồng hay còn gọi là “mộ con trời”. Gò ông Đồng kì lạ bởi “quanh năm bị dân vạc đi cây cối xung quanh, chuột đồng đào bới vậy mà gò đất không nhỏ mà dường như lại cứ đầy lên, cỏ cây xanh tốt” [6, tr.20]. Nó còn kì lạ bởi gắn với một câu chuyện xa xưa về một chàng trai làng Đông đi đánh giặc mười năm chiến thắng trở về nhưng người vợ ở nhà lại không chung thủy, người chồng uất hận nhảy lên gò đất hét lên một tiếng hô máu chết đứng như Từ Hải. Từ đó, người làng Đông vì tưởng nhớ nên mỗi lần đi qua ai cũng ném lên đó một nắm đất. Ngôi mộ ngày một cao lên mãi như sự ghi nhận và sự tưởng nhớ vong linh của chàng trai anh dũng đã mất. Câu chuyện hư thực nhưng đã trở thành một phần làm nên sự kì bí, huyền diệu của mảnh đất này. Người dân làng Đông chịu đựng chịu khổ cùng với ruộng đồng tốt tươi bảo vệ một cuộc sống ấm no và hạnh phúc: “Đồng quê cứ rộn ràng trong lòng bé Hạnh. Cô nhảy tâng tâng nhìn

những nhánh lúa nếp, những củ khoai lang, những bắp ngô non vui trong đồng lúa cháy nghi ngút giữa đồng ... Bây giờ là mùa xuân ... Khắp cánh đồng màu rực lên những dây cờ xanh, đỏ, trắng vàng...” [6, tr.25].

2.2. Bên cạnh ý nghĩa tái sinh, Đất còn là *biểu tượng mang ý nghĩa của sự hủy diệt*. Đất trong tiểu thuyết Nguyễn Bình Phương thường xuất hiện ở trạng thái không lành lặn, không bình thản, mang ý niệm chết chóc, nặng nề. Dạng thức đầu tiên của Đất là chính nó nhưng lại: “đất nứt”, “nứt toác”, “sạt lở”, “co thắt”, “rùng mình”, “động đất”... Khi Đất được miêu tả như một cơ thể sống, nó dữ dội: “Đất nóng thật. Cứ hằm hập anh ạ. Kỳ người thấy mùi nồng nồng của đất, ruột gan lại còn cào... Đất cuộn lên, tụ hẫng xuống sần sang hai bên” [7, tr.306]. Đất không tái sinh mà hủy diệt: “tất cả cuộc xéng đều bị lấp kín năm vĩnh viễn dưới lòng đất”, lũ trẻ cũng sợ hãi với tưởng tượng: “có một con vật khổng lồ sống trong lòng đất” [7, tr.7]. Ở dạng thức Núi, Đất được nhắc đến nếu không phải rất quái dị, rùng rợn thì cũng với trạng thái đầy thương tích: “Núi Hột tru lên man dại” [7, tr.222], “còn núi Rừng đen sẫm thì bị gió quất, đá lờ lờ chồm” [8, tr.123]. Một biến thể khác của Đất là đèo, truông, thung lũng... Trong tiểu thuyết *Nỗi buồn chiến tranh* [10], hàng loạt địa danh gắn liền với sự chết chóc, ám ảnh người lính suốt những năm tháng chiến trận và cả quãng đời dài sau đó. Hằn sâu trong kí ức của Kiên về chiến tranh là một bức tranh chiến trận đầy màu xám gắn với truông Gội Hồn với vô số điều kì quái và chết chóc: “Còn cái truông núi vô danh mịt mù lam chướng này thì từ bấy có tên là Gội Hồn, cái tên nghe dựng cả tóc gáy. Đồi khi, có đôi khi là vào các kì lễ lạt nào đó của giới các âm hồn, các toán quân đã chết của tiểu đoàn lại tụ họp trên trăng như là để điếm danh” [10, tr.8]; Sự ma mị, gây ảo giác đầy chết chóc của loài cây hồng ma mà không có nơi nào mọc nhiều như ở đây: “Đọc theo triển suốt này, hoa hồng ma nở rộ trong mưa, đấm bông trắng xóa, thờ hương thơm mát ... làm thành bao nhiêu là giấc ngủ mơ kì lạ, gây những ám ảnh khoái lạc mê mẩn” [10, tr.13]. Đó còn là “thung lũng núi” âm u, hoang vắng trong “khu trại tăng gia của huyện đội 67 đã nhiều năm bị bỏ quên” [10, tr.31], nơi diễn ra những tình cảm nam nữ vội vàng của những người lính và ba cô gái thanh niên xung phong cùng cái chết bi thảm của họ mãi là một trong những kí ức đau xót nhất của Kiên và đồng đội trong những năm tháng ấy. Truông Gội Hồn hay đèo Thăng Thiên chỉ là một trong vô vàn biểu tượng trong tác phẩm. Tất cả đều gắn với tâm hồn bán loạn bởi những kí ức đau thương, gắn với những địa danh cụ thể về núi rừng, thung lũng... trong quãng đời chiến tranh của Kiên. Những biểu tượng ấy là nhân chứng cho những tội ác của chiến tranh, là quá khứ, niềm đau không dễ gì quên được của những người lính thời hậu chiến: “Dĩ nhiên, Kiên nghĩ, quên thật là khó... Những kỉ niệm có thể là êm đềm, có thể là ác hại nhưng đều để lại những vết thương mà tới bây giờ, một năm đã qua, hay mười năm, hay hai mươi năm nữa vẫn còn đau, đau mãi” [10, tr.47].

2.3. Hơn thế nữa, Đất còn là *biểu tượng mang ý nghĩa về sự chờ che và giải thoát*. Trong các tiểu thuyết của Nguyễn Bình Phương, như một nghịch lý, trong bất an đến tận cùng của cuộc đời, con người coi việc trở về với Đất là như một giải thoát: “Đất sẽ che chở bền vững cho con bằng

cái ẩm cúng mật mùng. Con tha hồ mơ ước, chạy nhảy trong căn nhà vĩnh cửu của mình” [8, tr.144]. Nhưng đây là khi con người đã chết, nghiệm ra một triết lý: “Cả đời con người giày xéo mặt đất nhưng rời khỏi nó là xong” [7, tr. 249]. “Chính vì thế, mặt đất hút chặt chúng ta vào đó” [8, tr. 168]. Với đặc trưng tính âm, biểu tượng của chết chóc và tái sinh, Đất qua hình ảnh những bãi tha ma, nghĩa địa, mộ hiện lên dày đặc. Dân gian thường nói, sống có thể phân biệt sang hèn nhưng chết đi rồi ai cũng như ai. Chỉ khác những người sống khô, sống sờ như Lão Quênh và bà Sơn [11] về với Đất có khi lại là đặc ân, kết thúc chuỗi ngày cơ cực nơi trần thế. Bởi nơi họ sống là một mảnh đất “lắm người nhiều ma”. Ngay từ thời khai thiên lập địa, Đất làng này đã “ò vào cái thế vượng nhưng nghịch” [11, tr.450]. Tuy nhiên, trong tiểu thuyết *Mảnh đất lắm người nhiều ma*, sự phân biệt xót xa giữa kẻ giàu và người nghèo diễn ra ngay cả lúc người ta đã chết đi rồi. Chỉ trong một thời gian ngắn, diễn ra hai cái chết của cụ cố Vũ Đình Đại và lão Quênh. Nếu cụ cố được tổ chức tang lễ một cách trang trọng, huyền ảo thì cái chết của lão Quênh diễn ra trong im lặng đến xót xa “Bốn người khiêng Quênh bó Quênh trong chiếc chiếu hoa của Quàng mang đến, đi lặng lẽ trong bóng chiều chạng vạng” [11, tr.503]. Nếu mộ phần cụ cố Đại “vuông thành sắc cạnh” [11, tr.503] thì mộ lão Quênh đơn sơ đến tội nghiệp. Chi một loáng người ta đã đáp xong cái mộ cho lão “Xong sớm nghi sớm. Ích lấy đôn dập bậm bạp mấy cái vào hai bên sườn mộ, rồi cả lũ cùn cụt kéo nhau ra về” [11, tr.503]. Dẫu biết rằng chết là hết, song hai cái chết diễn ra trong cùng thời điểm, cũng là con người nhưng sao cái nghĩa cử cuối cùng đối với người chết lại khiến chúng ta xót xa đến vậy. Nhưng có lẽ lão Quênh sẽ không cảm nhận được điều ấy, vì giờ đây lão đã được yên nghỉ. Kết thúc một cuộc sống đầy khốn khổ từ lúc còn sống đến khi chết.

Với biến thể Đào, Đất trong *Đêm thánh nhân* của Nguyễn Đình Chính mang ý nghĩa về sự chờ che và cứu rỗi [12]. Cô gái Thương Oi và cha cố Tạc, hai con người, hai số phận khổ đau đã trôi dạt vào đảo Kinh. Chính nơi này, cha Tạc và cô gái Thương Oi đã được sống những phút giây thực sự là con người. Họ đã rũ bỏ quá khứ sau lưng, được gột rửa, được thanh tẩy và trở thành con người khác. Sau những phút giây u mê, cha Tạc nhận ra mình phải “đi về với Chúa. Chúa luôn ngự trị sâu thẳm vô thức tâm hồn cha...Chúa đã gọi cha về làm bề tôi đời đời tận trung nạp mình cho Chúa” [12, tr.719]. Còn Thương Oi nếu trước đó cô chưa biết đi đâu, về đâu thì “giờ đây sau một giấc ngủ dài không mộng mị ú ó mê sáng, tâm trí cô gái Thương Oi đã dần trở lại tinh táo bình thường” [12, tr.721].

Biểu tượng Đất cùng với những biến thể của nó cũng xuất hiện dày đặc trong các tiểu thuyết giai đoạn sau này. Đất là biểu tượng của sự chờ che trong *Giàn thiêu* [13], *Trong nước giá lạnh* [14]. Đất còn là biểu tượng mang ý nghĩa hủy diệt và tái sinh trong Thoạt ki thủy của Nguyễn Bình Phương. Đặc biệt, *Mẫu Thượng ngàn* của Nguyễn Xuân Khánh [15] là một thể giới biểu tượng đa tầng mang đậm sắc thái âm tính: đêm, đất, rừng, trăng, cây đa, rắn thần, hồ Huyền, Mẫu Thượng ngàn - mẹ Việt bắt từ... Đây là chùm biểu tượng vừa gợi chung cảm giác thần bí, âm đạm, linh thiêng và mẫu tính. Trong đó, Đất là biểu tượng có mẫu tiêu biểu gắn với những ý nghĩa nguyên sơ, đất như

người Mẹ có sức sản sinh và tái sinh, bền bỉ trong một nhịp điệu âm thầm và bao dung. Như vậy có thể thấy, Đất là một biểu tượng cổ mẫu có một đời sống lâu dài không chỉ trong đời sống, tín ngưỡng, tôn giáo mà cả trong văn học nghệ thuật từ sơ khai cho đến hiện đại. Xuất hiện trong tiểu thuyết Việt Nam từ 1986 đến 2000, biểu tượng Đất dưới tâm thức sáng tạo của các nhà văn hiện đại đã chuyên chở thêm những tầng nghĩa phái sinh khác đi so với truyền thống. Đất không còn nằm yên mà như một cơ thể sống, có lúc hiền hòa, có khi giận giữ. Đất không còn là một cá thể độc lập mà tham dự vào tất cả các vấn đề của thời cuộc.

3. Kết luận

Có thể thấy, biểu tượng Đất trong tiểu thuyết Việt Nam sau 1986 mang trong lòng nó nhiều biến thể cùng nhiều tầng ý nghĩa khác nhau về vẻ đẹp của sự phồn sinh, sự hủy diệt, sự chờ che và giải thoát. Mỗi biến thể ấy đến lượt nó, vừa lưu giữ những cơ tầng văn hoá của dân tộc, lại vừa có lại có khả năng trở thành những biểu tượng và những cổ mẫu văn chương mới, mang những hàm nghĩa mới của văn hoá đương đại, để sự tái sinh của nó mở đến vô tận, luôn mời gọi những giải mã từ bạn đọc. Cùng với những biểu tượng như Nước, Lửa, Trăng... biểu tượng Đất trong tiểu thuyết Việt Nam sau 1986 đã khẳng định được vị trí của mình trong đời sống cũng như trong văn học, từ dân gian cho đến hiện đại. Nó mở ra khả năng vô tận trong việc khám phá, nhận thức về con người và thế giới xung quanh. Đồng thời cổ mẫu Đất cũng cho thấy khả năng kiến tạo hiện thực mới của nó, khả năng lưu giữ và sáng tạo văn hoá độc đáo mà những giá trị khác không có thể sánh kịp. “Nghệ sĩ không thể khép kín tác phẩm hay định nó vào một phẩm tính cụ thể nào, mà tác phẩm luôn tiếp diễn trong đời sống, vừa giống vừa khác với chính nó, tùy thuộc vào những kiến giải trong đọc hiểu văn bản có đuổi bắt kịp tư duy sáng tạo của nhà văn hay không” [16; tr 60].

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nhiều tác giả, *Từ điển văn học*, NXB Thế giới, Hà Nội, 2005.
- [2] C.G. Jung (Vũ Đình Lưu dịch) (2007), *Thăm dò tiềm thức*, NXB Trẻ Thức, Hà Nội, 2007, tr 96.
- [3] Nguyễn Thị Bình, *Văn xuôi Việt Nam 1975 - 1995, những đổi mới cơ bản*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007.
- [4] Nguyễn Thị Thanh Xuân, “Đi tìm cổ mẫu trong văn học Việt Nam”, 2009. Địa chỉ: <http://khoaanhoccongnguu.edu.vn>, Truy cập ngày 12 tháng 5 năm 2017.
- [5] Hoàng Minh Tường, *Gia phả của đất* (Tập 1, “Thủy hóa đạo tặc”), Nxb Phụ nữ, Hà Nội, 2003.
- [6] Dương Hương, *Bến không chồng*, Nxb Trẻ, Tp HCM, 2005.
- [7] Nguyễn Bình Phương, *Người đi vắng*, Nxb Tổng hợp Tp HCM, 2013.
- [8] Nguyễn Bình Phương, *Vào cõi*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2016.
- [9] Jean Chavalier - Alain Gheerbrant, *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, Nxb Đà Nẵng, Trường Viết văn Nguyễn Du, 1997.
- [10] Bảo Ninh, *Nỗi buồn chiến tranh*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2007.
- [11] Nguyễn Khắc Trường, *Mảnh đất lắm người nhiều ma* (in trong *Tiểu thuyết Việt Nam thời kì đổi mới*), Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, 2003.
- [12] Nguyễn Đình Chính, *Đêm thánh nhân*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2008.
- [13] Võ Thị Hào, *Giàn thiêu*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội, 2005.
- [14] Võ Thị Xuân Hà, *Trong nước giá lạnh*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2008.
- [15] Nguyễn Xuân Khánh, *Mẫu Thượng ngàn*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội, 2006.
- [16] Hoàng Thị Huệ, “Biểu tượng mang tâm thức Mẫu trong *Đội gạo lên chùa* của Nguyễn Xuân Khánh”, *Tạp chí Lý luận Phê bình văn học, nghệ thuật*, Số 1, Bộ Văn hóa - Thông tin và Du lịch, Hà Nội, 2013, tr. 54 - 60.